KINH A DI ĐÀ
YẾU GIẢI

CHÙA DƯỢC SƯ
ĐỨC TRỌNG - LÂM ĐỒNG

KINH A DI ĐÀ
YẾU GIẢI

Hán dịch: **CƯU MA LA THẬP**
Yếu giải: **THÍCH TRÍ HÚC**
Việt dịch: **THÍCH TUỆ NHUẬN**
Toát yếu: **TỲ-KHEO-NI HẢI TRIỀU ÂM**

Tái bản lần thứ 1

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
PL. 2564 - 2020

MỤC LỤC

ĐÔI NÉT VỀ SƯ CỤ TUỆ NHUẬN..... 7

LỜI NGƯỜI DỊCH..... 11

LỜI NGƯỜI LÀM TOÁT YẾU..... 15

KINH A DI ĐÀ YẾU GIẢI..... 17

I. TÊN KINH..... 17

II. THỂ CHẤT CỦA KINH..... 17

III. TÔN CHỈ CỦA KINH..... 18

IV. LỰC DỤNG CỦA KINH..... 22

V. GIÁO TƯỚNG..... 25

A/- PHẦN TỰA..... 27

I. THÔNG TỰA..... 27

II. BIỆT TỰA..... 31

B/- CHÁNH TÔNG..... 33

I. KHẢI TÍN..... 33

1- Y báo...... 33

2- Chánh báo. 45

II. KHUYÊN PHÁT NGUYỆN..... 49

III. LẬP HẠNH 54

IV. KẾT KHUYẾN.....63

C/- LƯU THÔNG.....67

I. PHỔ KHUYẾN.....67

1- Khuyến tín......67

2- Khuyến nguyện. 77

3- Khuyến hạnh.....79

II. KẾT KHUYẾN 86

LỜI CUỐI SÁCH **88**

HẢI TRIỀU ÂM TOÀN TẬP **91**

Đôi nét về
Sö cu Tue Nhuan

Sư cụ[1] Tuệ Nhuận thế danh Văn Quang Thùy, sanh ngày 09-04-1887 (17-3 năm Đinh Hợi) tại tỉnh Hải Dương. Chuyên Nho học suốt thời niên thiếu. Ngài chăm học đến nỗi nhà cháy, ai nấy lo cứu hỏa, riêng Ngài vẫn ngồi yên chuyên chú học. Mãi sau lớn mới chuyển qua học chữ Pháp, thi đỗ làm Thông phán tại Nha quan thuế Hà Nội. Năm 1928, cụ thân sinh Văn Đức Khiêm thất lộc, Ngài suy tư về kiếp sống vô thường, bắt đầu tụng kinh, nghiên cứu đạo Phật. Bẩm tánh thông minh lại sẵn Hán học, Ngài vào giáo lý thâm sâu rất dễ dàng.

---

1. Là cách gọi thân mật của người dân địa phương do yêu mến đức độ của Ngài.

Thời ấy người đời xô nhau theo nếp sống mới, quên lãng đạo Phật. Nhưng ở các chùa thì Bồ-đề vẫn rộ nở hoa. Tổ Vĩnh Nghiêm, Tổ Bằng, Tổ Sở, Tổ Cồn v.v... pháp tràng phất phới khắp nơi. Nhưng giáo pháp vô thượng thậm thâm hoàn toàn được tuyên dương bằng chữ Hán. Ở các chùa trên đồi quê, gần như không quan hệ gì đến xã hội quần chúng. Các quan chức như Tổng đốc Nguyễn Năng Quốc, Bùi Thiện Căn v.v... ý thức được sự lợi ích của Phật giáo đối với nền văn hóa Việt Nam, hô hào thành lập hội Phật giáo. Ngài nhiệt liệt tham gia. Từ đó, một mặt giúp các Sư học đạo, một mặt giảng kinh ở các chùa Quán Sứ, Hòe Nhai và các chùa nhỏ ở quanh vùng Hà Nội. Mở các lớp học Phật pháp cho các cư sĩ tinh tấn. Các tỉnh Nam Định, Thái Bình, Hải Phòng, thường thỉnh Ngài giảng pháp, Ngài đều vui vẻ đáp ứng.

Năm 1935 Cụ xin nghỉ việc, dành trọn thời giờ để phục vụ Tam-bảo. Cụ đã dịch rất nhiều kinh tiếng Việt

như Kinh Di Đà, Dược Sư, Hoa Nghiêm phẩm Phổ Hiền v.v... cho tới nay vẫn đang lưu hành trong toàn quốc.

Mùa xuân Canh Thìn (1940), một phái đoàn Tăng sĩ Trung Hoa sang thăm Việt Nam, trong đó có hai Ngài Đế Nhàn và Thái Hư. Chùa Quán Sứ hồi ấy chưa đủ phòng xá tiếp đón khách Tăng, các Ngài phải nghỉ ở khách sạn của người Hoa. Cụ Văn Quang Thùy tìm đến xin học Thiền. Ngài Thái Hư đáp: "Tôi thấy Việt Nam toàn tu Tịnh-độ, cư sĩ nên vâng theo". Rồi ngay tại khách sạn, Ngài Thái Hư ngồi trên bàn, Cụ quỳ dưới đất. Ngài trao Bồ Tát Giới và cho một mảnh thiếp để kỷ niệm:

NHẬP NHƯ LAI TẠNG.

VĂN tự QUANG minh THÙY vũ trụ.

Phật môn TUỆ trạch NHUẬN sinh linh.

Thời tại Canh Thìn niên xuân.

Tam nguyệt nhị thập lục nhật.

Thái Hư lữ Hà Nội.

Giảng kinh Lăng Nghiêm ở Quán Sứ năm 1945, được học chúng nhiệt liệt hoan nghênh. Chùa Hòe Nhai

thành lập hội Phật tử, mở lớp học Lăng Nghiêm. Cụ vừa dạy vừa phiên âm sang tiếng Việt Nam. Năm 1949, lần đầu tiên Việt Nam in chữ quốc ngữ bộ kinh Lăng Nghiêm và Từ Bi Đạo Tràng Sám Pháp (Lương Hoàng). Thấy tình hình quần chúng các thành phố toàn quốc đã rạng tỏ, Cụ xuất bản tờ Bồ Đề Nguyệt San, thân làm giám đốc. Những bài của Cụ đăng trong báo được coi như những hạt châu ngọc để lại cho hậu lai. Trên tờ báo này, những ngọn bút danh tiếng khắp Bắc, Trung, Nam đã cùng nhau thi đua trình bày tư tưởng cao thâm.

Năm 1954, Cụ xuất gia theo Hòa-thượng Thích Thiện Hòa và từ đó lấy việc chuyên tu làm chính vụ. Cụ thị tịch ngày 16-03 năm *Giáp Thìn (tức ngày 27-04-1964)* trong tiếng niệm Phật và chí nguyện vãng sanh.

Pháp tử Cát Tường Lan
Dâng phiến tâm hương đền ơn pháp nhũ

Lời người dịch

Tu Thiền chắc chắn thành Phật. Tu Tịnh mau chóng thành Phật. Tu môn nào cũng phải thấy rõ Phật tánh rồi mới thành Phật. Mỗi niệm Phật danh là một nhớ đến Phật tánh. Thấy rõ Phật tánh là thành Phật quả. Thành Phật là khôi phục lại tự do hạnh phúc.

Tìm hiểu tánh Phật của mình của người là sự nghiệp Tịnh-độ hóa thế gian năm ấm ngũ trược của bảy thú. Sự nghiệp này Phật tử phải làm ngay.

Phật dạy: Tất cả chúng sanh ai cũng có tánh Phật. Bồ Tát Giới nói: Ngươi là Phật sẽ thành, ta là Phật đã thành, thường khởi tin như vậy, giới phẩm đã đầy đủ.

Áp dụng lời dạy trên vào đời sống, ta có 2 thực hiện:

1) Vâng giới luật, không dám áp bức một loài nào dù là con sâu cái kiến.

2) Khai trí tuệ bình đẳng, tôn trọng muôn loài hàm thức, tận tình cứu giúp lẫn nhau.

Có tâm Phật, mắt Phật như vậy là siêu phàm thoát tục.

Kinh Niết Bàn, Sư Tử Hống Bồ-tát hỏi: Tất cả chúng sanh cùng có chung một Phật tánh hay mỗi người riêng biệt một Phật tánh?

Phật đáp: Phật tánh chẳng phải một, chẳng phải hai, bình đẳng như hư không.

Nói bình đẳng tất nhiên phải có nhiều cái so sánh với nhau, thấy đều như hư không. Nghĩa là không hình không tướng nhưng bát ngát mông mênh không bờ bến. Anh và tôi, hai ta cùng chung sống trong một bầu không khí. Anh ở bên Đông, tôi ở bên Tây. Anh đừng mê muội cho rằng hư không cắt đôi làm hai, để anh nắm chặt lấy một phần làm của riêng.

Phật tánh của hai ta là tánh diệu chân như thường trụ chu biến. Hôm nay ta mới đến phương Đông nhưng Phật tánh của ta đã ở đấy từ vô thủy rồi. Mai ta rời Đông đi Tây, Phật tánh của ta như

hư không vẫn mãi ở Đông mà cũng đã ở Tây từ vô thủy rồi. Thân nghiệp báo theo duyên đổi dời vòng quanh luân chuyển khắp bảy thú. Phật tánh như hư không vẫn thường trụ ở khắp mười phương. Vậy đương khi ta ngồi ở Việt Nam, niệm Phật cầu sanh Tây phương, thì Phật tánh của ta như hư không, vẫn ở Việt Nam và cũng đang ở An Lạc thế giới cách đây mười vạn cõi Phật. Mỗi tiếng niệm Phật là Phật tánh của ta ở khắp mười phương đều rung cảm. Duyên Ta Bà hết, duyên Tịnh-độ thành, nghiệp trần lụy hết, nghiệp Tịnh-độ thành, thì thân đất nước gió lửa ở Ta Bà tan rã mà thân hào quang rực rỡ sẽ hóa sanh. Tùy ý ta muốn hiện sanh phương nào, Phật tánh của ta sẽ hiện thân ở phương ấy một khi nhân duyên đầy đủ.

Bản Như Lai Tạng diệu chân như tánh của người, của ta, của chúng sanh, của Phật, bao giờ cũng thường hằng linh thông cảm ứng với nhau vô lượng, vô biên, vô cùng, vô tận.

Nam mô Pháp Giới Tạng Thân A Di Đà Phật.
Nam mô Vô Biên Thân Bồ-tát Ma-ha-tát.
Nam mô Hư Không Tạng Bồ-tát Ma-ha-tát.

Không Thiền tông, không Tịnh-độ
Địa ngục đêm ngày đau khổ
Muôn đời ngàn kiếp còn lâu
Nhờ cậy ai, ai tế độ?

Có Thiền tông, có Tịnh-độ
Như thêm sừng cho mãnh hổ.
Hiện tại làm Thầy trời người,
Đời vị lai làm Phật Tổ.

Hà Nội, ngày 07-10 năm Tân Mão
(05-11-1951)
Tuệ Nhuận cẩn tự

Lôi ngöôi lam toat yeu

Tỳ-kheo-ni Hải Triều Âm đảnh lễ xin góp một lời:

Chữ Tín là then chốt của Liên tông. Có người tin Phật, Pháp, Tăng, một lòng niệm Phật thẳng đường về Tịnh-độ. Số này rất hiếm. Phần đông kém tinh tấn, đức Tin không mạnh vì chỗ hiểu biết thiếu căn bản. Với những vị này phải có một chương trình tu học. Cũng như phi công du hành quanh trái đất được, là vì từ bé đã tập lẫy, tập bò, tập đi, lớn lên tập lái xe hơi, lái máy bay.

Phàm phu thời mạt pháp có duyên với pháp môn Tịnh-độ cần:

1. *Giới luật nghiêm trì.*
2. *Quán Tứ Niệm Xứ: Thân bất tịnh, tâm vô thường, thọ là khổ, pháp vô ngã, để phát tâm xuất thế.*
3. *Học kinh Lăng Nghiêm để biết vạn pháp quy về tánh Vô Lượng Thọ Quang.*
4. *Đọc các kinh sách nói về Tịnh-độ. Phải trước vun bồi Ngũ căn mới có ngày thành Ngũ lực.*

KINH A DI ĐÀ YẾU GIẢI
NGŨ TRÙNG HUYỀN NGHĨA

I. TÊN KINH

Phật Nói Kinh A Di Đà.

PHẬT: **Đức Thích Ca Mâu Ni, đã giác ngộ, không một pháp nào Ngài không biết rõ thật tướng. Vì Bi nguyện giáng sanh cõi Ta Bà làm Giáo chủ.**

A DI ĐÀ: **Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Công Đức. Đây là danh hiệu đức Giáo chủ cõi An Lạc ở phương Tây.**

II. THỂ CHẤT CỦA KINH

Kinh Đại thừa nào cũng lấy Thật tướng làm cốt tủy. Thật tướng là cái tướng

chân thật của vạn pháp. Chúng ta đã biết thân người, thân vật, cây cối núi sông đều do bảy đại hợp thành. Theo kinh Lăng Nghiêm, cả bảy đại đều là Như Lai Tạng diệu chân như tánh, Chân tâm bản tánh của chúng ta. Hoa Nghiêm cũng tuyên bố: "Nhất thiết duy tâm tạo". Vậy tất cả những gì nói ở trong kinh A Di Đà, đều là tâm tánh Bồ-đề của Phật, Bồ-tát và chúng sanh tạo ra. Tâm tánh này thường trụ ở khắp mười phương. Thánh phàm ai ai cũng sẵn đủ. Tâm tánh này là thể chất của đời sống nhưng chúng ta quên hẳn, vì mải mê với vọng tưởng lăng xăng. Hễ trở về sống với bản tánh tức là thành Phật, là người giác tỉnh. Then chốt tu hành là nhận rõ được tâm tánh chân thật của mình.

III. TÔN CHỈ CỦA KINH

Tôn chỉ là đường lối thiết yếu. Đây là cương lĩnh của tất cả công hạnh tu trì kinh A Di Đà.

A/. TÍN:

1) Tin mình: **Thế giới An Lạc vốn sẵn đang ở ngay trong tâm tánh mình. Chỉ cần tận lực tỉnh ra, đừng để kiến-hoặc tư-hoặc rối loạn bưng bít, không thể trở về với tâm chân thật của mình.**

2) Tin người: **Tin Phật Thích Ca không nói dối, tin Phật A Di Đà không nguyện suông, tin sáu phương Phật tướng lưỡi rộng dài quyết không hai lời.**

3) Tin nhân: **Tin mỗi tiếng niệm Phật chính là cái nhân để vãng sanh cõi Phật.**

4) Tin quả: **Các thượng thiện nhân đang tụ hội ở cõi An Lạc đều do niệm Phật mà đã kết quả.**

5) Tin sự: **Cõi An Lạc là một cảnh giới có thật ở phương Tây. Phật A Di Đà đang phóng hào quang thật sự đi khắp mười phương để tiếp dẫn chúng sanh niệm Phật.**

6) Tin lý: **Bao nhiêu hoa đốm xanh đỏ quay cuồng đều do thần kinh mỏi nhọc mà tự thấy ra. Cảnh giới Ta Bà đã do sáu căn tuần nghiệp xấu ác mà phát hiện thì nay sáu căn thanh tịnh làm nhân, theo duyên thanh tịnh tiếp dẫn là đức Phật, hẳn về Tịnh-độ trang nghiêm còn nghi ngờ gì nữa.**

B/. NGUYỆN:

Đã tin chắc cõi Ta Bà nhơ uế là do cộng nghiệp những tâm tánh nhơ uế hiện ra, đúng lý ta nên chán bỏ. Cõi An Lạc thanh tịnh là do cộng nghiệp những người thanh tịnh tạo ra, đúng lý mình nên vui cầu. Do trạch pháp đã thấy đáng bỏ thì quyết định chán bỏ. Đã thấy nên cầu thì nhất định vui cầu.

Sách Diệu Tông nói: **Bỏ hết rồi thì không còn gì phải bỏ nữa. Lấy hết rồi thì không còn gì phải lấy nữa. Ai chưa trọn vẹn thủ xả, đã tuyên bố "tôi không thủ xả", là người chấp Lý bỏ Sự. Ngược lại, Sự đã bỏ chẳng xong thì Lý hẳn chưa thấu triệt.**

Ở đây chỉ là chuyển phiền não thành Bồ-đề, chuyển pháp giới phàm mê thành pháp giới thanh lương.

Chí nguyện này phải minh bạch rõ ràng.

C/. HẠNH:

Chấp trì danh hiệu Phật A Di Đà, lấy nhất tâm bất loạn làm hẹn kỳ, lấy vãng sanh làm mục đích. Tu Tịnh-độ có nhiều phương pháp, đức Phổ Hiền nói mười nguyện vương, kinh Vô Lượng Thọ nói trăm ngàn công hạnh, Quán Vô Lượng Thọ dạy nhiếp niệm quán tưởng. Kinh này chỉ

duy một pháp trì danh. Đây là pháp môn liễu nghĩa vô thượng, tối cực viên đốn.

Khác với các pháp tu Nhị thừa, Tam thừa, Tiểu thừa, Đại thừa, tôn chỉ Tín Nguyện Hạnh của kinh này là cái mầm nhân chân thật của đạo Nhất thừa, chỉ có duy nhất một hướng phương là quả Vô-thượng Bồ-đề.

IV. LỰC DỤNG CỦA KINH

Sanh sang Tịnh-độ, lên ngôi Bất thoái, là lực dụng của kinh.

Tịnh-độ có 4 cõi, mỗi cõi đều có 9 phẩm.

1) **Niệm Phật chưa đoạn trừ được kiến-hoặc tư-hoặc, tùy theo tâm tán loạn hay an định, sẽ sang 9 phẩm ở Đồng Cư** (phàm Thánh ở chung)**.**

2) **Niệm Phật đến Sự nhất tâm bất loạn, kiến-hoặc tư-hoặc tiêu hết, sẽ được sanh sang cõi Phương Tiện Hữu Dư** (riêng cho các vị Thanh-văn, Duyên-giác)**.**

3) **Niệm Phật đến Lý nhất tâm bất loạn, phá được từ một đến 41 phẩm vô minh, sẽ được sanh sang cõi Thật Báo Trang Nghiêm** (cõi này riêng cho Báo thân Phật và các đại Bồ-tát)**, có khi chứng được một phần ở cõi Thường Tịch Quang.**

4) **Niệm Phật phá hết 42 phẩm vô minh, thì được sanh lên thượng thượng phẩm ở cõi Thật Báo Trang Nghiêm, hay là ở cõi rốt ráo Thường Tịch Quang** (cõi này riêng của Báo thân Phật và Pháp thân Phật)**.**

Cõi An Lạc nói trong kinh là Đồng Cư Tịnh-độ, mà ba Tịnh-độ trên cũng có đủ cả ở ngang ngay đấy.

Bất thoái có 4 nghĩa:

1) **Niệm bất thoái.**

2) **Hạnh bất thoái.**

3) **Vị bất thoái.**

4) **Tất cánh bất thoái.**

1. *Niệm bất thoái*: **Phá hết vô minh, hiểu rõ Phật tánh, sanh cõi Thật Báo hay cõi phần chứng Thường Tịch Quang.**

2. *Hạnh bất thoái*: **Đoạn hết kiến-hoặc, tư-hoặc, trần sa hoặc, sanh cõi Phương Tiện.**

3. *Vị bất thoái*: **Mang cả ác nghiệp sanh cõi Đồng Cư, gởi thể chất vào hoa sen, vĩnh viễn dứt hết mọi ác duyên thoái chuyển.**

4. *Tất cánh bất thoái*: **Niệm Phật bất luận nhất tâm hay tán loạn, hiểu hay chẳng hiểu, đều là nhân duyên giải thoát một ngày mai. Danh hiệu Phật A Di Đà, danh hiệu kinh này, danh hiệu chư Phật sáu phương, ba thứ này một khi đã lọt vào tai rồi không bao giờ luống uổng.**

Đặc biệt kinh có lực dụng lạ lùng là có thể khiến người tu đới nghiệp vãng sanh về cõi Đồng Cư, chứng Vị bất thoái cùng Bồ-tát bổ xứ ở chung.

V. GIÁO TƯỚNG

Kinh A Di Đà thuộc về Đại thừa Bồ-tát tạng, loại "không ai hỏi mà Phật tự nói". Bí áo của Hoa Nghiêm[2], cốt tủy của Pháp Hoa[3],

---

Chú thích:

2. ***Bí áo của kinh Hoa Nghiêm:*** Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Phật tánh là chánh nhân để thành Phật, nên hễ có duyên học Phật pháp thì ai ai cũng có thể thành Phật. Nay kinh A Di Đà chủ trương mỗi niệm phải nhớ đến Phật tánh, mà sống với Phật tánh tức thành Phật quả.

3. ***Cốt tủy của Pháp Hoa:***

   1- Phật ra đời chỉ có mục đích là khai thị cho chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến. Tánh A Di Đà vô lượng quang, vô lượng thọ, vô lượng công đức chính là Diệu Pháp Liên Hoa. Sống với tánh A Di Đà tức là được Phật tri kiến *(thành Phật)*.

   2- Thường Bất Khinh Bồ-tát gặp Phật tử nào, bất cứ nam nữ già trẻ, đều lễ lạy nói: "Ngài sẽ thành Phật". Tông Tịnh-độ chào nhau bằng câu: "Nam mô A Di Đà Phật".

tâm yếu của chư Phật[4], chỉ nam của Bồ-tát hạnh[5], đều có ở bộ kinh này. Tán thán bao nhiêu cũng chưa đủ, thỉnh các bậc trí tuệ để ý.

3- Khai quyền *(phế bỏ tam thừa)* chỉ Nhất thừa là thật. Phàm phu niệm Phật A Di Đà cầu đới nghiệp vãng sanh để một đời được bổ xứ làm Phật. Kinh dạy: "Ai thọ trì kinh A Di Đà sẽ được chư Phật hộ niệm, quyết định bất thoái Vô-thượng Bồ-đề".

4. ***Tâm yếu của chư Phật:*** Lăng Nghiêm chỉ tánh thấy là mật nhân Bồ-đề, căn bản trí. Dùng tánh nghe làm nhân viên thông để phá năm ấm, chứng thường trụ diệu minh bất động chu viên diệu chân như tánh.

   Tông Tịnh-độ chuyên niệm Nam mô A Di Đà Phật.

   Niệm: Nhớ. *Chuyên niệm:* Hằng nhớ không quên. *Nam mô:* Quy y: Quay về nương tựa, sống với. *A Di Đà:* a) Vô lượng thọ: Thường trụ. b) Vô lượng: Chu viên. Quang: Diệu minh *(thấy nghe sáng suốt)*. c) Vô lượng công đức: Diệu chân như.

4. ***Chỉ nam của Bồ-tát hạnh:*** Bồ-tát nói đủ là Bồ Đề Tát Đỏa. *Bồ Đề:* Giác tỉnh, đã giác ngộ được tánh Phật. *Tát Đỏa:* Hữu tình. *Bồ-tát:* Một hữu tình đã giác tỉnh, tuy chưa viên mãn. *Bồ-tát hạnh:* Việc thiện lành của người đã giác tỉnh bao giờ cũng hướng về Thánh quả vô lậu. Khác với phàm phu, dù có làm thiện cũng chỉ hưởng phước hữu lậu, còn lọt trong vòng sanh tử.

A/- TỰA

I. THÔNG TỰA

Đúng thật như thế, chính tôi được nghe: Một thời bấy giờ, tại nước Xá Vệ, Phật ngự ở tinh xá Cấp Cô Độc, trong vườn Kỳ Đà, cùng Tỳ-kheo Tăng 1250 đại A-la-hán chúng đều quen biết: Trưởng lão Xá Lợi Phất, Ma-ha Mục Kiền Liên, Ma-ha Ca Diếp, Ma-ha Ca Chiên Diên, Ma-ha Câu Hy La, Ly Bà Đa, Châu Lợi Bàn Đà Già, Nan Đà, A Nan Đà, La Hầu La, Kiều Phạm Ba Đề, Tân Đầu Lư Phả La Đọa, Ca Lưu Đà Di, Ma-ha Kiếp Tân Na, Bạc Câu La, A Nâu Lâu Đà...

Văn Thù Sư Lợi Pháp-vương-tử, A Dật Đa Bồ-tát, Càn Đà Ha Đề Bồ-tát, Thường Tinh Tấn Bồ-tát, cùng với vô lượng đại chúng Bồ-tát. Cả vua Đế Thích và các vua khác cùng với quyến thuộc đông không xiết kể, cùng đến dự hội.

Trong Tịnh-độ hội, đại chúng gồm 3:

1. Thanh-văn chúng **đứng đầu, vì:**

a) **Hình tướng xuất thế gian.**

b) **Thường theo Phật.**

c) **Phật và Pháp nhờ Tăng được lưu truyền.**

2. Bồ-tát chúng: **Bồ-tát hình tướng bất định** (có vị xuất gia, có vị tại tục) **tiêu biểu nghĩa trung đạo.**

3. Thiên nhân chúng: **Trời, người, tám bộ, hình tướng thế gian, có cả phàm Thánh, đứng địa vị ngoại hộ.**

1- Thanh-văn chúng:

Tỳ-kheo: **Hàm 3 nghĩa:**

a) **Khất sĩ** (bậc sĩ xin ăn và xin đạo)**.**

b) **Phá ác** (dùng trí tuệ đoạn phiền não vô minh)**.**

c) **Phố ma** (đã thọ đại giới nên ma sợ hãi)**.**

A-la-hán: **Hàm 3 nghĩa:**

a) **Ứng cúng** (hưởng cúng dường - quả khất sĩ)**.**

b) **Sát tặc** (giết hết giặc phiền não - quả phá ác)**.**

c) **Vô sanh** (không sanh tử - quả phố ma)**.**

Xá Lợi Phất **trí tuệ đệ nhất.**

Mục Kiền Liên **thần thông đệ nhất.**

Ma-ha Ca Diếp **đầu đà đệ nhất.**

Ma-ha Ca Chiên Diên **nghị luận đệ nhất.**

Ma-ha Câu Si La **khéo đáp đệ nhất.**

Ly Bà Đa **thiền định đệ nhất.**

Châu Lợi Bàn Đà Già **nhớ nghĩa đệ nhất.**

Nan Đà **nghiêm hộ sáu căn đệ nhất.**

A Nan Đà **học giỏi đệ nhất.**

La Hầu La **mật hạnh đệ nhất.**

Kiều Phạm Ba Đề **phước điền cõi trời đệ nhất.**

Tân Đầu Lư Phả La Đọa **phước điền cõi người đệ nhất.**

Ca Lưu Đà Di **giáo hóa đệ nhất.**

Ma-ha Kiếp Tân Na **thiên văn đệ nhất.**

Bạc Câu La **thọ mạng đệ nhất.**

A Nâu Lâu Đà **thiên nhãn đệ nhất.**

Các Ngài là chúng đương cơ, kham thọ Phật giáo, kham làm Phật sự.

2- Bồ-tát chúng:

– *Văn Thù Sư Lợi:* **Diệu Cát Tường, trí tuệ đệ nhất.**

– *A Dật Đa:* **Vô Năng Thắng, tên riêng của đức Di Lặc.**

– *Càn Đà Ha Đề:* **Tu hành không ngừng nghỉ.**

– *Thường Tinh Tấn:* **Lợi mình lợi người không mỏi mệt.**

3- Thiên nhân chúng:

Thích Đề Hoàn Nhơn, **ta gọi là Ngọc hoàng Thượng đế hay Đế Thích, là vua cõi trời Đao Lợi.**

II. BIỆT TỰA

Bấy giờ đức Phật bảo Ngài trưởng lão Xá Lợi Phất rằng: Cách đây hơn mười vạn ức cõi Phật, về phương Tây có thế giới An Lạc, Phật A Di Đà hiện đang thuyết pháp.

Nguyên âm Ấn Độ là Sumati, Hán dịch là An Lạc, Cực Lạc, Diệu Ý, An Dưỡng, Thanh Thái v.v... nghĩa là an ổn vui vẻ.

Kinh nhấn mạnh có thế giới gọi là An Lạc, có Phật hiệu A Di Đà hiện đang

thuyết pháp, khiến chúng ta chuyên chú nhất tâm hướng về cảnh giới hiện đang có thật. Cõi Ta Bà, đức Phật Thích Ca đã nhập Niết-bàn, đức Di Lặc chưa giáng sanh, chúng sanh không nơi nương tựa nên phát nguyện cầu vãng sanh để được gần Phật, nghe pháp.

B/- CHÁNH TÔNG

I. KHẢI TÍN

1- Y báo:

Này Xá Lợi Phất! Cõi ấy vì sao gọi là An Lạc? Chúng sanh cõi ấy không có những khổ, chỉ hưởng toàn vui, bởi thế cho nên gọi là An Lạc.

Chúng sanh: **Từ Đẳng giác Bồ-tát đến nhân dân, những ai đang ở cõi An Lạc.**

Kinh nói về cảnh giới của hạng kém nhất, khiến ta tự hiểu ở phẩm thượng thượng sự sung sướng đến thế nào. Cũng để so sánh với cõi Ta Bà sanh già bệnh chết, ân ái biệt ly, oán thù gặp gỡ, năm ấm

lẫy lừng, bao nhiêu thống khổ. Những cái mà cõi Ta Bà gọi là vui, Phật gọi là hoại khổ vì từng sát na vô thường, vui gì cũng thành không, chỉ để lại nuối tiếc đau nhớ.

Cõi nước An Lạc bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây, đều là bốn báu, bao vây giáp vòng *(nơi nào cũng có).*

Cõi nước An Lạc có ao thất bảo, trong ao thường đầy nước tám công đức, đáy ao rải thuần thứ cát vàng cốm. Bốn bên bờ ao bực lên lối đi, làm bằng vàng bạc, lưu ly, pha lê. Trên ao, lầu gác cũng toàn bằng vàng bạc, lưu ly, pha lê, xà cừ, xích châu, mã não. Hoa sen trong ao to bằng bánh xe, màu xanh sáng xanh, màu vàng sáng vàng, màu đỏ sáng đỏ, màu trắng sáng trắng, nhiệm màu thơm sạch.

Xá Lợi Phất này! Cõi nước An Lạc thành tựu như vậy công đức trang nghiêm.

Nước tám công đức:

1) **Trong trẻo.**

2) **Mát mẻ.**

3) **Ngon ngọt.**

4) **Mềm nhẹ** (có thể chảy ngược đi lên)**.**

5) **Nhuận trạch** (khác với nước cõi Ta Bà làm thối nát, tan rữa)**.**

6) **An hòa** (không có sóng dữ)**.**

7) **Trừ đói khát.**

8) **Nuôi lớn thiện căn.**

Hoa sen bào thai một khi xòe nở, người vãng sanh lên ngay bờ ao, vào pháp hội, thấy Phật nghe pháp.

Hoa sen:

Vi: **Hoa có hình mà không chất, toàn là ánh sáng.**

Diệu: **Các hoa đi qua lẫn nhau không chướng ngại.**

Hương: **Thơm.**

Khiết: **Vì không chất nên bụi bám vào đâu.**

Thai sen có 4 đức thì thân sanh ra cũng thế. Cảnh giới trang nghiêm đều do Chí và Hạnh hùng vĩ của Phật A Di Đà cảm thành. Chúng sanh cũng do nhân thiện căn, duyên phước đức mà được hưởng. Người tín nguyện cứ một niệm Phật là một thành công trang nghiêm Tịnh-độ. Như thế, chúng sanh lấy cảnh của Phật A Di Đà làm bản chất tăng thượng, để từ sáu căn thanh tịnh của mình phát khởi sáu trần trang nghiêm. Hoàn toàn của Phật là của chúng sanh.

Cõi nước An Lạc lưng trời hòa nhạc, mặt đất thuần vàng. Ngày đêm sáu buổi, hoa mạn đà la rắc xuống như mưa. Chúng sanh sáng sớm lấy giỏ đựng hoa thơm đẹp kỳ diệu, đi cúng phương xa, mười vạn ức Phật. Thoáng tới giờ ăn đã về

cõi mình, ăn rồi kinh hành. Xá Lợi Phất này, cõi nước An Lạc thành tựu như vậy công đức trang nghiêm.

Cõi nước An Lạc, nhiều các loài chim, màu đẹp quý hiếm, bạch hạc, khổng tước, xá lợi, cộng mệnh, ca lăng tần già, ngày đêm sáu buổi, tiếng hót hòa nhã, diễn ra các pháp: Ngũ căn, Ngũ lực, Thất Bồ-đề phần, Bát Chánh đạo phần và nhiều pháp khác. Chúng sanh nghe rồi đều vui niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Xá Lợi Phất này, ông chớ bảo rằng những loài chim ấy thật vì tội báo phải làm kiếp chim. Là vì lẽ sao? Đã là cõi Phật, cái tên ác đạo còn không hề có, huống chi lại có ác đạo thật ư? Những chim ấy là Phật A Di Đà muốn cho tiếng pháp chan hòa khắp nơi mà biến hóa ra. Cõi nước An Lạc, gió hiu hiu thổi, những hàng cây báu, những lưới ngọc giăng rung động phát ra vi diệu âm thanh, như là trăm ngàn nhạc khí hòa điệu, ai nghe tự nhiên nức lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Phật và nhân dân, y báo chánh báo, toàn là ánh sáng thì đâu có ngày đêm. Dân Ta Bà cuộc đời là một đêm dài vô hạn. Ánh sáng đều nhờ mặt trời mặt trăng nên mới có ngày đêm, thành có thời gian hôm qua, hôm nay và ngày mai. Chim hót ngày đêm sáu buổi thì đủ biết cõi An Lạc, chim cũng như người, không có si nghiệp, không có tánh ngủ.

Trước đem năm căn năm trần, sau riêng đem nhĩ căn và thanh trần để thích nghĩa thọ dụng. Bởi vì cõi An Lạc thu hút tất cả căn cơ trong pháp giới, cả năm trần đều là động cơ tu tập viên thông. Phật nay đang nói kinh ở cõi Ta Bà, cõi này nhĩ căn riêng thông lợi, nên Phật đặc biệt đem tiếng nói pháp của cả hai loài hữu tình và vô tình, để miêu tả cái vui giải thoát hiện tại và ngộ đạo ngày mai. Thính chúng cõi Ta Bà có thể tin mình có khả năng giác

tỉnh nếu được ở cảnh ngộ này, do đây sẵn sàng phát nguyện vãng sanh.

Ngũ căn: **Năm gốc rễ: Tín, Tiến, Niệm, Định, Tuệ.**

Phàm phu phát tâm Bồ-đề thường hời hợt nên dễ mất. Nay cần gần thiện tri thức nghe pháp học kinh để tâm Bồ-đề kiên cố. Như cái cây có gốc rễ mới có thể vững vàng dưới gió bão nắng sương.

Ngũ lực: **Năm gốc rễ đã có năng lực phát ra cành lá hoa trái. Tâm Bồ-đề chẳng những không bị các chướng ngại làm cho lui sụt, mà còn có năng lực dũng mãnh, trên cầu Phật pháp dưới độ chúng sanh, cùng nhau phá ác tu thiện v.v...**

Thất Bồ-đề phần: **Bảy tâm trợ duyên giác ngộ.**

1- **Trạch pháp: Trí tuệ khéo phân biệt chân ngụy.**

2- **Tinh tấn.**

3- **Hỷ.**

4- **Trừ: Đoạn ác.**

5- **Xả.**

6- **Định.**

7- **Niệm.**

Tu hành cần định tuệ cân phân. Nếu tự thấy hôn trầm thì dùng 3 giác phần là Trạch pháp, Hỷ và Tinh tấn để tự phấn chấn. Nếu tự thấy bồng bột xáo động thì dùng 3 giác phần là Trừ, Xả và Định để tự điều hòa. Tâm nhớ các pháp phải thời phải chỗ như vậy gọi là Niệm.

Bát chánh đạo:

1- ***Chánh kiến:*** **Thấy theo Tứ Diệu Đế.**

2- ***Chánh tư duy:*** **Hằng quán sát: Thân bất tịnh, thọ thị khổ, tâm vô thường, pháp vô ngã v.v...**

*3- **Chánh ngữ:*** **Lời nói từ tâm trí tuệ và từ bi.**

*4- **Chánh nghiệp:*** **Không sát sanh mà hộ sanh, không trộm cắp mà bố thí v.v...**

*5- **Chánh mạng:***

a) **Không nuôi thân mạng bằng nghề ruộng vườn.**

b) **Không nuôi thân mạng bằng nghề thiên văn, địa lý, bói toán.**

c) **Không nuôi thân mạng bằng nghề xoay sở kinh doanh buôn bán.**

d) **Không nuôi thân mạng bằng nghề bùa chú tà thuật.**

Lại có 5 loại tà mạng:

a) **Giả hiện tướng tu hành cầu người cúng dường.**

b) **Tự khoe công đức.**

c) **Xem tướng xem bói.**

d) **Giọng nói hống hách ra oai.**

e) **Nói khích khiến người bỏ của ra cúng.**

*6- **Chánh tinh tấn:*** **Tu đạo Niết-bàn.**

*7- **Chánh niệm:*** **Nhớ niệm các pháp chánh đạo và trợ đạo.**

*8- **Chánh định:*** **Dùng trí tuệ vô lậu ứng hợp vào thiền định.**

Còn nhiều pháp khác: **Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Nhiếp, Lục Độ v.v...**

Trong kinh mỗi đoạn nói xong Phật lại kết rằng:

Xá Lợi Phất này! Cõi nước An Lạc thành tựu như vậy công đức trang nghiêm.

Đây là cố ý nói đi nói lại cho người tin sâu rằng: Tất cả đều do chí nguyện và hành vi của đức A Di Đà đã tạo thành, do chủng

trí của Ngài đã thực hiện. Và cũng do ba nghiệp thân miệng ý rất thanh tịnh của mỗi người tu đã cảm ứng, mà biến hiện ra ở trong tâm thức của mình. Tâm Phật, tâm chúng sanh cùng làm *ảnh* **và** *chất* **cho nhau. Thí dụ như các ánh sáng của nhiều ngọn đèn cùng sáng khắp cả với nhau thì coi tựa như một ánh sáng. Hoàn toàn lý ấy đã thành ra sự, hoàn toàn sự vật ấy tức là lý thật. Hoàn toàn tánh ấy đã khởi ra hạnh tu. Hoàn toàn hạnh tu ấy đều ở trong tánh. Mong người học suy nghĩ sâu xa cho tỏ ngộ. Đừng bỏ cõi Tịnh-độ của Phật thật có mà chỉ bàn suông đến cái Tịnh-độ bóng ma, cái bóng duyên vọng tưởng ở trong tâm mình, đến nỗi cam chịu tiếng chê là** *thử tức, điểu không***.**

Sư cụ Tuệ Nhuận giảng thêm:

Chữ *ảnh* **và chữ** *chất***, Ngẫu Ích đại sư rút ở kinh Lăng Già quyển I. Phật thí dụ**

thức A-lại-da như cái gương rất lớn không bến bờ giới hạn. Vạn vật như bóng hiện trong gương. Chỗ có bóng ảnh chính là chất gương. Thân và Độ của Phật là ảnh thì tâm chúng sanh là chất gương. Thân và Độ của chúng sanh là ảnh thì tâm Phật là chất gương. Ý nói Phật ở trong tâm thức chúng sanh, chúng sanh ở trong tâm thức Phật. Tuy ở trong nhau mà không dính chặt lấy nhau, chỉ như ảnh trong gương.

Thử tức **và** *điểu không* **là lời chế giễu những người nông nổi, ai nói sao bào hao làm vậy, không tìm hiểu sự thật. Nghe nói "Phật tức tâm" thì cứ lặp đi lặp lại "Phật tức tâm", chớ không hiểu gì cả, khác nào con chuột kêu "tức, tức". Lại nghe "vạn pháp đều không" thì cũng nói "không" mà chẳng hiểu gì, chỉ như chim vẹt kêu "không, không".**

2- Chánh báo:

Ý ông thế nào, vì sao Phật hiệu là A Di Đà?

Mục đích kinh này chỉ bày diệu hạnh trì danh cho nên Phật Thích Ca đặc biệt nêu ra câu hỏi rồi tự giải thích rõ ràng. Ý muốn đệ tử tin sâu vạn đức hồng danh không thể nghĩ bàn, để nhất tâm trì niệm không còn nghi ngờ gì nữa. Chỉ dùng hai nghĩa Quang và Thọ để nói vô lượng nghĩa. Quang khắp mười phương (vũ)**, Thọ suốt ba đời** (trụ) **là toàn thể pháp giới. Từ nhất chân pháp giới này đã hiện ra thân và quốc độ Phật A Di Đà. Cho nên danh hiệu A Di Đà tức là tên của lý tánh bản giác. Bản giác của Phật và chúng sanh không hai. Khởi tâm cất tiếng niệm danh hiệu Phật là thủy giác. Người niệm Phật tập tỉnh thức. Bản giác, thủy giác không hai. Một niệm chúng sanh và Phật ứng hợp thì tâm niệm ấy là Phật. Niệm niệm ứng hợp thì niệm niệm là Phật.**

Xá Lợi Phất này, đức Phật quang minh, soi khắp mười phương, không đâu chướng ngại, vì thế nên hiệu là A Di Đà.

Tâm yếu của hết thảy chư Phật là ở cả đây. Tâm linh con người yên lặng (tịch) **mà thường soi sáng** (chiếu)**, hiển nên ánh quang minh. Bởi Phật đã chứng triệt-để tâm tánh nên quang minh có thể hiển khắp. Phật nào cũng vô lượng quang. Pháp thân, Báo thân Phật nào cũng xứng tánh ở khắp mười phương. Nhưng quang minh của Ứng thân thì tùy sự cần dùng. Có vị soi một do tuần, có vị soi 10, có vị soi 100. Chỉ có Phật A Di Đà soi vô lượng thế giới nên tên là Vô Lượng Quang. Vì từ lúc tu nhân, Pháp Tạng Tỳ-kheo phát 48 nguyện. Trong có một nguyện là quang minh thường soi khắp mười phương, để tiếp dẫn tất cả chúng sanh có duyên về cảnh giới an lành của Ngài.**

Không đâu chướng ngại: **Hào quang Phật vẫn soi khắp nhưng người niệm Phật nhiều, đã kết duyên sâu dầy với Phật thì mới thấy rõ. Còn kẻ vô duyên vẫn không thấy. Ai có duyên với Phật, về ở cõi Phật thì sống lâu vô lượng như Phật. Kẻ vô duyên, ở cõi Ta Bà, vẫn già bệnh chết.**

Ngài cùng nhân dân, sống lâu vô cùng, đến bao nhiêu kiếp không thể kể xiết, vì thế nên hiệu là A Di Đà.

Chân tâm bản tánh Chiếu mà vẫn Tịch, nên không có quá khứ hiện tại vị lai, gọi là Vô Lượng Thọ. Pháp thân vô thủy vô chung. Báo thân hữu thủy vô chung. Phật nào cũng vậy, chỉ có Ứng thân thì mỗi vị tùy nguyện tùy cơ, thọ mạng dài ngắn không đồng. Pháp Tạng Tỳ-kheo đã nguyện thọ mạng của Phật và dân đều vô lượng. Nay Ngài đã mãn nguyện nên được tên là Vô Lượng Thọ.

Chúng sanh đồng thể Quang Thọ với Phật, nếu được sanh về cõi An Lạc thì sẽ tự thấy viên hòa dung hợp với khắp mười phương. Thấy Phật A Di Đà tức là được thấy hết thảy chư Phật. Đã có thể tự độ tức là có khả năng độ được hết thảy chúng sanh.

Vì Vô Lượng Thọ nên tất cả cõi An Lạc ai ai cũng là Nhất sanh bổ xứ. Vậy chúng ta nên nhớ, rời bỏ tâm Vô Lượng Quang Thọ, chúng ta chẳng tìm đâu cho được danh hiệu Phật A Di Đà. Và rời bỏ danh hiệu Phật A Di Đà thì cũng thật khó cho chúng ta chứng được triệt-để tâm Vô Lượng Quang Thọ.

Tôi cầu nguyện quý ngài nên để ý nghĩ kỹ về 2 nghĩa này. Tôi cầu nguyện quý ngài nên tìm hiểu sâu xa 2 nghĩa này.

Phật A Di Đà thành Phật đến nay mới có mười kiếp.

Đệ tử Thanh-văn toàn A-la-hán, nhiều lắm không thể đếm mà biết được, các vị Bồ-tát cũng đông như thế. Xá Lợi Phất này, cõi nước An Lạc thành tựu như vậy công đức trang nghiêm.

Chư Phật thành đạo, vị nào cũng có 2 phần: Bản (căn bản cỗi gốc) **và Tích** (hình tích dấu vết)**. Chúng ta chẳng thể suy lường được phần Bản. Về phần Tích thì đức A Di Đà thành Phật ở thế giới An Lạc đã 10 kiếp. Ngài tu cho mình thành Phật, mà đồng thời cho tất cả chúng sanh thành Phật. Vậy ta đem tâm Tín Nguyện niệm Phật, thì niệm niệm thành cho mình, đồng thời cũng thành cho tất cả chúng sanh. Kinh gọi như thế là "nhất thành, nhất thiết thành".**

II. KHUYÊN PHÁT NGUYỆN

Cõi nước An Lạc, chúng sanh sang đấy không còn thoái chuyển, trong đó có nhiều Nhất sanh bổ xứ. Số sanh sang đấy đông lắm

không thể đếm mà biết được, chỉ đành nói là rất nhiều vô số vô lượng vô biên.

Văn kinh nêu chỉ cho thấy Nhân và Duyên vô thượng. Đặc biệt khuyên cầu vãng sanh Tịnh-độ vì mang ác nghiệp mà về cõi Thánh, rẽ ngang ra khỏi tam giới, ở cõi Đồng Cư mà đủ cả bốn Tịnh-độ, được nghe pháp luân của cả bốn giáo môn, được thấy cả ba thân Phật, chứng đủ ba ngôi Bất thoái, được Nhất sanh bổ xứ. Phật chỉ điểm cho bao nhiêu công đức tuyệt vời như thế, thỉnh người có chí lưu tâm nghiên cứu kỹ càng.

Bất thoái:

*1- **Vị bất thoái:*** **Địa vị tứ Thánh** (chẳng đọa lục phàm)**.**

*2- **Hạnh bất thoái:*** **Hạnh Bồ-tát thường hóa độ chúng sanh, chẳng đọa Nhị thừa.**

3- Niệm bất thoái: **Tâm tâm niệm niệm như dòng nước chảy vào biển Nhất Thiết Trí.**

Người phạm tội ngũ nghịch, mười ác, nếu Tín Nguyện mỗi ngày chí tâm niệm 10 tiếng "Nam mô A Di Đà Phật", cho đến lúc chết tâm không điên đảo thì được vãng sanh hạ hạ phẩm ở cõi Đồng Cư, cũng được đủ ba ngôi Bất thoái. Nếu chẳng chứng được tâm tánh đến cực điểm, chẳng có đại công trì danh, chẳng có nguyện lớn của Phật A Di Đà, thì làm gì có sự lạ như thế.

Lại nữa, một đời giáo hóa của đức Thích Ca, chỉ có kinh Hoa Nghiêm nói đến pháp môn viên đốn, tu một thân thành Phật. Than ôi! Cái thuyết phàm phu lên ngôi bổ xứ là một khởi xướng khó suy lường, lại có ở ngay trong bổn kinh A Di Đà này. Nếu mổ tim vẩy máu ra mà khiến thiên hạ tin được, việc này tôi nghĩ cũng nên làm. Phẩm cuối kinh Hoa Nghiêm, đức Phổ Hiền nói mười

hạnh nguyện, chỉ đường cho cả hải hội Hoa Tạng về cõi An Dưỡng. Thế thì cũng kinh Hoa Nghiêm nói, cái mầm nhân để tạo ra quả Nhất Sanh Viên Mãn ấy, chính là Tín Nguyện vãng sanh cõi Phật A Di Đà.

Chúng sanh nghe rồi thì nên phát nguyện, nguyện sanh sang đấy. Là vì làm sao? Vì đồng các bậc thượng thiện như thế cùng họp một nơi.

Cõi Ta Bà chúng ta, được nghe được thấy các Thánh nhân, thật đã quá hiếm huống chi thân cận. Thời Phật tại thế, Thánh nhân tuy nhiều nhưng làm gì có khắp trong nước. Ngày nay, y theo kinh A Di Đà, chỉ cần tu một nghiệp niệm Phật liền được về cõi Tịnh-độ Đồng Cư, được các Thánh nhân làm thầy làm bạn, cùng diệt vô minh, cùng lên Diệu giác. Bởi vì niệm Phật cũng gọi là tịnh nghiệp, là nghiệp vô lậu bất tư nghì, là nghiệp có nhiều thiện căn làm nhân, có nhiều phước đức làm duyên,

cho nên mới đồng nghiệp với các Thánh nhân mà được cảm ứng đồng về chung ở.

Vậy ta nên biết cái nhân duyên đại sự của loài người chúng ta là cái cửa ải đi sang cõi Đồng Cư này, một cửa ải rất khó lòng ra thoát. Chúng ta phải hiểu rõ sức mạnh lời nguyện của Phật A Di Đà, công đức của danh hiệu Phật và tâm tánh con người chẳng thể nghĩ bàn. Khi ấy chúng ta mới chịu phát đại thệ nguyện. Thâm tín và phát nguyện tức là tâm Vô-thượng Bồ-đề. Tín và Nguyện là kim chỉ nam đưa chúng ta về Tịnh-độ. Nếu Tín Nguyện kiên cố thì lâm chung chỉ mười niệm hoặc một niệm cũng quyết định vãng sanh. Còn như không có Tín Nguyện, chỉ niệm Phật để đè nén vọng tưởng, thì dù niệm khít khịt như tường vách, gió thổi không lọt chăng nữa cũng không kết quả. Kinh Đại Bản A Di Đà cũng lấy việc phát Bồ-đề nguyện làm thiết yếu.

III. LẬP HẠNH

Này Xá Lợi Phất! Không ít thiện căn, phước đức nhân duyên, mà được sanh sang bên nước kia đâu. Chỉ có những người một lòng chuyên niệm Phật A Di Đà, một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày. Niệm kỳ cho được nhất tâm không loạn. Người này lâm chung, Phật A Di Đà cùng với Thánh chúng hiện ra trước mặt. Tâm không điên đảo, người ấy liền sanh sang cõi An Lạc Phật A Di Đà.

Chỉ cái Nhân vô thượng để một lần nữa khuyên người cầu Quả vô thượng.

Tâm Bồ-đề là thiện căn (gốc lành)**, là cái Nhân thân thiết. Còn bố thí, trì giới, thiền định v.v... đều là phước đức, tức là Duyên trợ giúp tâm đạo nẩy nở.**

Thanh-văn Duyên-giác, thiện căn Bồ-đề ít lắm. Nhân thiên tu phước nghiệp hữu lậu (còn phiền não: tham, sân, si, mạn, nghi,

tà kiến), **phước đức cũng ít lắm, chẳng thể vãng sanh Tịnh-độ.**

Chỉ có Tín Nguyện, trì danh, mỗi niệm thiện căn rất nhiều, phước đức rất nhiều.

Niệm Phật tâm còn tán loạn, phước đức thiện căn đã nhiều vô lượng, huống chi nhất tâm bất loạn.

Tâm người niệm Phật cảm động đến tâm Phật, tâm Phật ứng hợp với tâm người, giống như bàn in.

Như thế thì Phật A Di Đà và các Thánh chúng, tuy tâm các Ngài chẳng ở đâu lại, mà chính các Ngài có lại thật, cúi xuống tiếp dẫn mình. Người tu Tịnh nghiệp, tâm mình cũng chẳng đi đâu mà chính mình có đi thật, mang thể chất gởi trong hoa sen báu.

Phật Thích Ca nói: *"Thiện nam tử, thiện nữ nhân niệm Phật"*. Vậy hạng người nào được gọi là thiện nam, thiện nữ? Bất luận

tại gia, xuất gia, sang, hèn, già, trẻ, thiên, nhân, A-tu-la, súc sanh, ngã quỷ, địa ngục, noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, bất luận ai đã được nghe danh hiệu Phật A Di Đà, tức là cái "quả thiện căn" trồng từ nhiều kiếp, nay đã thành, đã chín, thì những người ấy dù có phạm tội ngũ nghịch, thập ác, cũng đều được gọi là "*thiện*".

A Di Đà Phật, vạn đức hồng danh, niệm danh hiệu ấy để vời công đức ấy đến với mình. Đây là một phép tu rất giản dị, rất thẳng mau.

Chẳng có Tín Nguyện thì tuy có được nghe, cũng như chẳng được nghe, chỉ gieo duyên thiện căn về nhiều kiếp sau. Chẳng được gọi là *Văn tuệ*.

Luôn luôn niệm danh hiệu Phật A Di Đà chính là *Tư tuệ*.

Có hai lối chấp trì:

1- ***Sự trì:*** **Tin có Phật A Di Đà ở Tây phương thật sự, nhưng chưa hiểu được thế nào là "Tâm mình tạo tác ra Phật, tâm mình chính là Phật"** (thị tâm tác Phật, thị tâm thị Phật)**, chỉ quyết chí cầu sanh Tịnh-độ, lúc nào cũng như con thơ nhớ mẹ không quên.**

2- ***Lý trì:*** **Tin Phật A Di Đà cõi Tây phương đã sẵn có ở tâm mình, lấy danh hiệu Phật ấy, làm cảnh giới trụ tâm, khiến cho an định mà tuệ vẫn sáng chiếu** (tuy Lý trì mà chẳng bỏ Sự trì)**.**

Chấp trì danh hiệu Phật A Di Đà từ một ngày cho đến bảy ngày. Nghĩa là phải cho kỳ được "*nhất tâm bất loạn*".

Lợi căn niệm một ngày được bất loạn; độn căn phải bảy ngày; trung căn không nhất định, hoặc hai ngày, hoặc ba, bốn, năm, sáu ngày mới được bất loạn. Đây là

một phương pháp định kỳ tu. Hạ căn có khi bao nhiêu lần bảy ngày vẫn chưa được.

Lại có nghĩa nữa, lợi căn giữ luôn được bảy ngày tâm chẳng loạn; độn căn chỉ giữ được một ngày. Còn trung căn thì không nhất định, có người giữ được sáu ngày, có người giữ được hoặc năm, hoặc bốn, hoặc ba, hoặc hai ngày mà thôi.

Nhất tâm cũng có hai: Sự nhất tâm và Lý nhất tâm.

1- Bất luận Sự trì hay Lý trì, hễ phục trừ được mọi phiền não: tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, diệt kiến-hoặc và tư-hoặc, cả hai đều là *Sự nhất tâm*.

2- Bất luận Sự trì hay Lý trì, hễ thấy được Phật của tâm tánh mình, thì cả hai đều được *Lý nhất tâm*.

Sự nhất tâm thì chẳng bị kiến-hoặc tư-hoặc làm rối loạn. Lý nhất tâm thì chẳng

bị những tà thuyết nhị biên làm rối loạn. Đó là *Tu tuệ*.

Tâm mình chẳng bị kiến và tư làm rối loạn, cho nên vãng sanh về cõi Đồng Cư, hoặc cõi Phương Tiện.

Tâm mình chẳng bị tà thuyết nhị biên làm rối loạn, vãng sanh về cõi Thật Báo Trang Nghiêm, hoặc cõi Thường Tịch Quang.

Ngài Đại Thế Chí, trong kinh Lăng Nghiêm, nói về pháp trì danh này, bảo rằng: "Chẳng cần đến pháp phương tiện nào khác, mà cũng khai ngộ được tâm của mình", nghĩa là không cần tu thêm các pháp quán hoặc thoại đầu v.v..., cứ một bề nhất tâm trì danh là đủ. Nên biết đối với người có mắt thì cố nhiên người ta tự thấy ánh sáng mặt trời, đâu có cần phải thắp đèn thêm. Đối với người mù thì ánh sáng

mặt trời còn chẳng thấy, đốt đèn thêm ích gì?

Hỏi: *Kinh dạy 10 niệm được vãng sanh, vậy cần gì phải niệm những 7 ngày?*

Đáp: **Bình thường không có công phu tập cho được nhất tâm bất loạn, lâm chung chắc gì niệm Phật nổi được 10 tiếng. Ngũ nghịch thập ác lâm chung 10 niệm vãng sanh, là những người đã có thiện căn phước đức từ nhiều đời, lâm chung gặp thiện tri thức chỉ dạy, liền đủ Tín Nguyện. Vạn người khó có một người may mắn như thế.**

Quán Kinh nói: Một niệm danh hiệu Phật diệt trừ 80 ức kiếp sanh tử trọng tội. Cũng như mặt trời đã mọc thì tối tăm cả bao nhiêu kiếp cũng tan.

Hỏi: *Người niệm Phật mà tâm tán loạn, cũng trừ được tội chăng?*

Thưa: **Công đức của danh hiệu Phật bất khả tư nghì, sao chẳng trừ được tội? Chỉ có điều không chắc có được vãng sanh. Vì thiện căn tán loạn man mác như thế, khó lòng địch lại được bao nhiêu tội ác tích lũy từ vô thủy. Phải biết rằng những tội ác ấy, giá mà có thể-tướng, thì cả hư không cũng không chứa được hết. Tuy rằng một đêm một ngày niệm được mười vạn tiếng A Di Đà, mỗi tiếng diệt được 80 ức kiếp sanh tử trọng tội, niệm đủ 100 năm cũng chẳng tiêu hết tội nghiệp. Vì những tội đã diệt ít lắm, chỉ bằng một tí đất ở đầu móng tay thôi. Những tội chưa diệt hãy còn nhiều bằng cả quả đất. Chỉ có người nào niệm Phật nhất tâm bất loạn, mới có sức mạnh như một kiện tướng phá vòng vây. Cả ba quân đoàn cũng chẳng ngăn lại được. Nhưng dù sao thì mỗi một tiếng niệm Phật, đã là một**

hột giống thành Phật rồi, ngọc kim cương chẳng bao giờ hoại.

Tôi xin cúi đầu cầu nguyện các vị xuất gia, tại gia, người trí, người ngu, đối với pháp môn niệm Phật, viên đốn, giản dị, mau lẹ này chớ coi là khó mà sanh thoái lui; chớ coi là dễ mà sanh lười chẳng cố gắng; chớ coi là nông cạn mà khinh miệt; chớ coi là quá sâu mà chẳng dám thọ trì.

Danh hiệu Phật A Di Đà trì niệm đây, là danh hiệu chân thật, chẳng khá nghĩ, chẳng khá bàn.

Cái tâm tánh mình đang trì niệm đây, cũng chân thật lắm, chẳng khá nghĩ, chẳng khá bàn.

Trì niệm một tiếng là một tiếng chẳng khá nghĩ, chẳng khá bàn (người đọc đến câu này, nên biết giờ phút này là giờ phút đóa hoa Ưu đàm bát la xuất hiện)**, mình trì niệm được**

10 tiếng hay 100, 1000, 10.000 tiếng hay vô lượng, vô số tiếng, thì tiếng nào tiếng nào cũng đều là chân thật, chẳng khá nghĩ, chẳng khá bàn vậy.

IV. KẾT KHUYẾN

Này Xá Lợi Phất! Ta thấy lợi thế cho nên nói thế. Ai được nghe rồi thì nên phát nguyện sanh sang nước kia.

Đây là nói cái lợi tới giờ phút sắp chết mà tâm mình chẳng điên đảo. Tự lực tu hành ở Ta Bà, lúc sắp chết là lúc đến "cửa ải tử sanh", rất khó đủ lực giải thoát. Chẳng nói những kẻ tu hành ngoan cố, trí tuệ ngông cuồng, buồn tủi không kết quả. Ngay những Thiền gia đốn ngộ lâm chung, "tập khí" bằng sợi tơ còn sót cũng thừa sức mạnh lôi đi trụy lạc. Vĩnh Minh thiền sư bảo rằng: "Ấm cảnh nếu hiện ra, chỉ chớp mắt là theo nó". Nghe lời này, thật rùng

mình lạnh buốt trái tim! Người tu được quả đạo thứ nhất Tiểu thừa rồi mà đầu thai vẫn mê muội. Bồ-tát cách thân ngũ ấm vẫn hôn mê.

Chỉ có tín, nguyện, trì danh, nhờ sức Phật giúp thêm mới thoát khỏi giờ phút hiểm nguy ấy. Nguyện lực từ bi của Phật A Di Đà mạnh lắm, Phật cùng Thánh chúng hiện ra trước mặt an ủi dẫn đường, khiến tâm ta không điên đảo mà tự tại vãng sanh.

Phật Thích Ca biết rõ chúng sanh, giờ phút lâm chung, có cái khổ điên đảo rối loạn nên ân cần khuyên đi, khuyên lại, phải phát nguyện. Vì nguyện có sức mạnh khiến niệm Phật. Có niệm Phật mới bảo đảm thoát được cái đau khổ nhất đời này (Lời nói thiết tha, nên khắc xương ghi dạ)**.**

Tâm Tín Nguyện chẳng phát khởi thì tâm sanh thiện, vui cầu cõi Tịnh, với tâm phá ác, chán bỏ cõi uế, đều chẳng sanh

được, huống chi tâm liễu ngộ vào tới lý Phật.

Vậy chỉ có "Sự trì danh" cầu được thấy Phật khác, rồi mới tỏ ngộ được "Lý trì danh" là thấy Phật mình. Thấy Phật A Di Đà và Thánh chúng, tức là Phật của tâm tánh mình đã hiện ra. Vãng sanh về quả đất kia được thấy Phật, được nghe pháp, nhờ đấy thành tựu trí tuệ.

Pháp môn niệm Phật này thâm diệu lắm, phá hết thảy lý luận suông, diệt hết thảy ý kiến tà. Chỉ có những bậc Đại sư, như các Ngài Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả, Vĩnh Minh v.v... mới triệt-để gánh vác được. Còn những người giàu trí tuệ thế gian, tài thông minh biện bác, dùng hết sức suy nghĩ, càng suy nghĩ càng xa, chẳng bao giờ tới. Những người này lại không bằng mấy ông, mấy bà thật thà chất phác chịu khó

niệm Phật, cảm thông được trí tuệ Phật, thầm hợp được đạo màu.

Một câu: *"Ta thấy lợi thế, cho nên nói thế"*, rõ ràng là mắt Phật thấy, tiếng Phật nói, để ấn định cái sự thật ấy, sao còn trái lời Phật, chống lại Phật, mà chẳng thuận theo?

C/- LƯU THÔNG

I. PHỔ KHUYẾN

1- Khuyến tín:

Này Xá Lợi Phất! Ta nay khen ngợi Phật A Di Đà công đức lợi ích chẳng xiết nghĩ bàn thì phương Đông có Phật A Súc Bệ, Phật Tu Di Tướng, Phật Đại Tu Di, Phật Tu Di Quang và Phật Diệu Âm, hằng hà sa số Phật ở cõi mình, tướng lưỡi rộng dài, che khắp ba ngàn đại thiên thế giới, nói lời thành thật rằng: Chúng sanh ngươi, nên tin kinh này là một bản kinh tán thán công đức chẳng xiết nghĩ bàn và được hết thảy chư Phật hộ niệm.

Này Xá Lợi Phất! Phương Nam: Phật Nhật Nguyệt Đăng, Phật Danh Văn Quang, Phật Đại Diệm Kiên, Phật Tu Di Đăng, Phật Vô Lượng Tinh Tấn, hằng hà sa số Phật ở cõi mình, tướng lưỡi rộng dài, che khắp ba ngàn đại thiên thế giới, nói lời thành thật rằng: Chúng sanh ngươi, nên tin kinh này là một bản kinh tán thán công đức chẳng xiết nghĩ bàn và được hết thảy chư Phật hộ niệm.

Này Xá Lợi Phất! Phương Tây: Phật Vô Lượng Thọ, Phật Vô Lượng Tướng, Phật Vô Lượng Tràng, Phật Đại Quang, Phật Đại Minh, Phật Bảo Tướng, Phật Tịnh Quang, hằng hà sa số Phật ở cõi mình, tướng lưỡi rộng dài, che khắp ba ngàn đại thiên thế giới, nói lời thành thật rằng: Chúng sanh ngươi, nên tin kinh này là một bản kinh tán thán công đức chẳng xiết nghĩ bàn và được hết thảy chư Phật hộ niệm.

Này Xá Lợi Phất! Phương Bắc: Phật Diễm Kiên, Phật Tối Thắng Âm, Phật Nan Trở, Phật Nhật Sanh, Phật Võng Minh, hằng hà sa số Phật

ở cõi mình, tướng lưỡi rộng dài, che khắp ba ngàn đại thiên thế giới, nói lời thành thật rằng: Chúng sanh ngươi, nên tin kinh này là một bản kinh tán thán công đức chẳng xiết nghĩ bàn và được hết thảy chư Phật hộ niệm.

Này Xá Lợi Phất! Phương Hạ: Phật Sư Tử, Phật Danh Văn, Phật Danh Quang, Phật Đạt Ma, Phật Pháp Tràng, Phật Trì Pháp, hằng hà sa số Phật ở cõi mình, tướng lưỡi rộng dài, che khắp ba ngàn đại thiên thế giới, nói lời thành thật rằng: Chúng sanh ngươi, nên tin kinh này là một bản kinh tán thán công đức chẳng xiết nghĩ bàn và được hết thảy chư Phật hộ niệm.

Này Xá Lợi Phất! Phương Thượng: Phật Phạm Âm, Phật Tú Vương, Phật Hương Thượng, Phật Hương Quang, Phật Đại Diệm Kiên, Phật Tạp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân, Phật Ta La Thọ Vương, Phật Bảo Hoa Đức, Phật Kiến Nhất Thiết Nghĩa, Phật Như Tu Di Sơn, hằng hà sa số Phật ở cõi mình, tướng lưỡi rộng dài, che khắp ba ngàn đại thiên thế giới, nói lời thành thật rằng:

Chúng sanh ngươi, nên tin kinh này là một bản kinh tán thán công đức chẳng xiết nghĩ bàn và được hết thảy chư Phật hộ niệm.

Bốn chữ: *"Bất khả tư nghì"* (chẳng xiết nghĩ bàn) **lược giải có 5 nghĩa:**

1) **Người niệm Phật có thể vượt tắt ra ngoài tam giới ngay, chẳng phải đợi đoạn trừ hết mê hoặc.**

2) **Cứ sanh sang Tây phương là được lên đủ cả bốn cõi Tịnh-độ, chẳng phải ngoi lên dần dần từng cõi một. Người niệm Phật sanh sang Tây phương là thành Bồ-tát bất thoái và Nhất sanh bổ xứ ngay.**

3) **Cứ chuyên trì niệm danh hiệu Phật thôi, chẳng cần đến phương tiện nào khác** (tu thiền, quán tưởng v.v...)**.**

4) **Trong một tuần bảy ngày có thể thành công, chẳng cần nhiều kiếp, nhiều đời, nhiều năm, nhiều tháng.**

5) **Cứ trì niệm một danh hiệu Phật A Di Đà, tức là được chư Phật hộ niệm, chẳng khác gì người trì niệm danh hiệu hết thảy chư Phật.**

Năm ý nghĩa này, đều nhờ ở Nguyện và Hạnh chẳng thể nghĩ bàn của Phật A Di Đà.

Giữ giới bất vọng ngữ trong ba đời, khi sanh ra có lưỡi rộng dài uốn lên đến mũi. Đức Thích Ca giữ giới bất vọng ngữ trong ba đại a tăng kỳ kiếp, lưỡi mỏng và rộng dài, che kín khắp mặt. Nay chư Phật lưỡi che khắp đại thiên thế giới, để nêu rõ Chân thân thật xứng hợp với chánh lý Pháp thân vậy.

Này Xá Lợi Phất! Ý ông thế nào? Sao gọi kinh này là kinh "Nhất thiết chư Phật hộ niệm"? Xá Lợi Phất này! Thiện nam, thiện nữ nghe kinh thọ trì và nghe danh hiệu chư Phật sáu phương, sẽ được chư Phật hộ niệm, bất thoái Vô-thượng

Bồ-đề. Vì thế, Xá Lợi Phất các ông đều nên tin chịu lời ta và lời chư Phật đã nói.

Trong sáu đoạn văn nói về sáu phương, đoạn nào chư Phật cũng nêu tên kinh này gọi là kinh: *"Xưng tán bất khả tư nghị công đức, nhất thiết chư Phật sở hộ niệm"* chính là căn bản lưu thông truyền bá kinh này. Pháp sư Cưu Ma La Thập thuận theo thế gian ưa nói vắn tắt, đặt tên kinh là "A Di Đà". Thật khéo hợp với hạnh tu trì danh! Pháp sư Trần Huyền Trang dịch là "Kinh Xưng Tán Tịnh Độ Nhiếp Thọ". Lời văn tuy có tường tận hay sơ lược khác nhau, nhưng chánh nghĩa vẫn không thêm bớt.

Hỏi: *Trong các phương, phương nào cũng có Tịnh-độ, cớ gì chỉ tán thán riêng Tịnh-độ ở Tây phương của Phật A Di Đà?*

Đáp: **Vì có 3 nghĩa:**

1) **Khiến người mới vào đạo dễ nhận được tâm Bồ-đề của mình.**

2) **Vì bản nguyện của Phật A Di Đà.**

3) **Vì Phật A Di Đà với chúng sanh ở cõi này có duyên riêng.**

Chư Phật từ Pháp thân hiển hiện ra hình tích, cốt để kết nhân duyên với đời (cả thế gian và xuất thế gian)**, hết thảy đều thần diệu chẳng khá nghĩ bàn. Các Ngài đem giáo lý đại thừa tuyên dương vào hải hội** (tức là vì cả thế giới)**. Các Ngài lăn vào biển khổ** (tức là vì chúng sanh đối trị tánh ác)**. Tâm nhân từ của các Ngài khế hợp với tâm Thường Tịch Quang** (tức là đệ nhất nghĩa)**. Vì thế mà vạn đức phải kính vâng các Ngài, quần linh phải chầu về cả các Ngài.**

Ta lại nên biết mầm thành Phật phải nhờ duyên mới khởi lên được. Duyên ấy tức là cả pháp giới. Vậy thì một niệm tức là hết thảy niệm, một chúng sanh tức là hết thảy chúng sanh. Một hương, một hoa, một thanh, một sắc... cho đến một khi chịu sám

hối, được thọ ký, được xoa đầu, được dắt tay v.v... khắp mười phương, suốt ba đời, không một chỗ nào, không một giây phút nào mà không lan tràn dung hòa khắp cả. Cho nên cái nhân tăng thượng duyên này được gọi là pháp giới duyên khởi.

Đó chính là cái nghĩa "biến duyên pháp giới", tức là tưởng niệm và kết duyên với cả mười phương pháp giới vậy (xem nghĩa viên biến trong kinh Hoa Nghiêm quyển 2)**.**

Như thế, người tu ở ngôi thấp kém (thì vẫn chẳng ra ngoài pháp giới)**, vẫn có thể quyết chí chuyên cầu vãng sanh về Tây phương. Và người tu ở ngôi cao xa** (thì còn pháp giới nào nữa)**, đâu phải bỏ Tây phương để mong cầu riêng lấy thế giới Hoa Tạng.**

Hỏi: *Chỉ nghe danh hiệu của chư Phật, mà chưa giữ được nghĩa kinh, thì có được chư Phật hộ niệm lên ngôi Bất thoái không?*

Đáp: **Cái nghĩa *"nghe"* ở đây có phần Cuộc và phần Thông.**

Về phần Cuộc, thì như kinh Chiêm Xát nói: "Tâm tạp loạn nhơ bẩn, niệm danh hiệu ta, chẳng phải là đã được nghe danh hiệu của ta. Tâm chưa quyết định tin hiểu, chỉ được quả báo phước thiện thế gian, chẳng được lợi ích màu nhiệm sâu xa rộng lớn. Niệm Phật đến chỗ "Nhất Hạnh Tam Muội" mới thành quảng đại diệu hạnh đưa đến "Tương tự Vô sanh pháp nhẫn". Thế mới thật là đã được nghe danh hiệu mười phương Phật...".

Vậy thì chữ *"nghe"* ở kinh A Di Đà, cũng phải đến chỗ nhất tâm bất loạn mới đáng là *"người đã được nghe danh hiệu chư Phật, được chư Phật hộ niệm"*.

Còn nghĩa chữ *"nghe"* thuộc về phần Thông là: Tâm từ bi chư Phật chẳng khá nghĩ bàn, công đức danh hiệu chư Phật

chẳng khá nghĩ bàn. Một khi được nghe danh hiệu Phật rồi, thì bất luận hữu tâm vô tâm, tin hay chẳng tin, đều đã thành thắng duyên. Huống chi Phật bình đẳng độ chúng sanh oán thân như nhau, không hề mỏi mệt. Miễn là được nghe danh hiệu Phật, tức là được Phật hộ niệm, còn nghi gì nữa?

Kim Cương Tam Luận nói: **Địa Bồ-tát về Biệt giáo hay Trụ Bồ-tát về Viên giáo, tự lực tu hành vào bậc "Đồng sanh tánh" mới được Phật hộ niệm** (Đồng sanh tánh là thấy được Phật tánh)**.**

Niệm Phật, nhờ sức Phật thì mau hơn, cứ tới ngôi "Tương tự Vô sanh pháp nhẫn" đã được Phật hộ niệm. Dưới ngôi Tương tự ấy cũng đều được Phật hộ niệm. Theo nghĩa Thông, chỉ cần nghe danh hiệu Phật qua tai một lần, đồng thể pháp tánh đã phát ra một sức mạnh tức là đã gieo nhân tốt về sau, chẳng bao giờ mất.

Bất thoái **là đủ ba ngôi Bất thoái như trên đã giải thích, đồng một nghĩa với danh từ: "Nhất sanh thành Phật". Bởi thế, Phật Thích Ca cố khuyên bọn ông Xá Lợi Phất đều nên tin chịu.**

Công đức được nghe danh hiệu Phật màu nhiệm như thế, Phật Thích Ca và chư Phật mười phương đã nói mà lại còn không tin ư?

2- Khuyến nguyện:

Này Xá Lợi Phất, những ai phát nguyện vãng sanh về cõi Phật A Di Đà thì đều bất thoái Vô-thượng Bồ-đề. Nơi Phật Tịnh-độ, ai đã phát nguyện thì đã sanh rồi, ai nay phát nguyện thì nay đang sanh, còn mai mới nguyện thì mai sẽ sanh. Bởi thế cho nên, này Xá Lợi Phất! Thiện nam, thiện nữ! Hễ có ai tin nên mau phát nguyện sanh về An Lạc.

Phật ân cần đến ba lần khuyên phát nguyện. Phát nguyện tức là hai pháp môn:

"Hân và Yếm" (Hân là hân hoan vui thích. Yếm là yếm ly chán bỏ)**.**

a) **Chán bỏ cõi Ta Bà vì tệ ác lắm! Phép này ứng hợp với hai Hoằng Nguyện:**

"Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ,
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn".

b) **Vui cầu sang An Lạc, vì an tĩnh lắm! Phép này ứng hợp với hai Hoằng Nguyện:**

"Pháp môn vô lượng thệ nguyện học,
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành".

Vì có phát nguyện rộng lớn như thế, cho nên Phật mới bảo: *"Những người ấy, đều được tới cõi A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, chẳng hề lui chuyển"* tức là đắc đạo Bồ-đề, lên ngôi Bất thoái.

Nhân màu nhiệm và Quả màu nhiệm của người niệm Phật đều chẳng bao giờ lìa khỏi Nhất tâm. Vậy thì cần gì phải đợi đến hết kiếp Ta Bà, mới sanh vào ao thất bảo! Ngay giờ phút ta có tín tâm, ta có phát

nguyện, ta niệm danh hiệu Phật, thì bóng đài sen vàng tươi sáng đã hiện ra rồi. Ta không phải là người cõi Ta Bà nữa!

3- Khuyến hạnh:

Này Xá Lợi Phất! Ta nay ngợi khen chư Phật công đức chẳng xiết nghĩ bàn, thì chư Phật cũng khen ta công đức chẳng xiết nghĩ bàn. Các Ngài nói rằng: "Phật Thích Ca Mâu Ni đã làm việc rất khó hiếm có, ở ngay giữa cõi Ta Bà kham khổ có năm ác trược: kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sanh trược, mệnh trược, thế mà chứng được Vô-thượng Bồ-đề. Lại vì chúng sanh chỉ bày pháp ấy là pháp thế gian khó tin".

Này Xá Lợi Phất, nên biết ở trong ngũ trược ác thế ta đã chứng được Vô-thượng Bồ-đề, việc này rất khó. Vì thế gian nói pháp khó tin ấy, lại càng khó hơn.

Trí tuệ công đức của các đức Phật đều bình đẳng như nhau, nhưng sự giáo hóa thì có chỗ dễ chỗ khó: Ở cõi Tịnh-độ tu

thành Bồ-đề thì dễ, ở cõi đời trược này khó lắm! Vì chúng sanh ở Tịnh-độ nói pháp thì dễ, vì chúng sanh ở cõi này nói pháp khó lắm! Vì chúng sanh ở trược thế, nói pháp Tiệm còn dễ, chứ nói pháp Đốn thì khó! Vì chúng sanh ở trược thế, nói các pháp Đốn khác còn dễ, nói pháp Đốn vượt tắt ngang sang Tịnh-độ, thì lại càng khó nữa!

Vì chúng sanh ở trược thế, nói các pháp "diệu quán đốn tu đốn chứng vượt tắt ngang sang Tịnh-độ" đã chẳng dễ gì, thế mà nay lại nói cái pháp chẳng cần khó nhọc, chỉ trì niệm danh hiệu Phật A Di Đà, mà được lên ngay ngôi Bồ-tát bất thoái, thì thật là một khó khăn trong các khó khăn. Bởi thế mười phương chư Phật đều suy tôn đức Thích Ca là dũng mãnh.

Ngũ trược ác thế:

1. Kiếp trược **là thời đại tụ họp toàn nhơ ác. Nếu không có hạnh tu niệm Phật, hứa hẹn cho mang cả ác nghiệp vượt tắt ra ngoài vòng kiếp trược, thì thật khó cho những chúng sanh ở trong ấy được giải thoát.**

2. Kiến trược **là thời đại có 5 tà kiến sai sử con người mau lẹ lắm** (ngũ lợi sử)**:**

a. Thân kiến: **Si mê lầm tưởng thân và cảnh thật có.**

b. Biên kiến: **Thiên về một bên. Hoặc theo chủ nghĩa đoạn diệt, cho rằng thân chết là hết. Hoặc chấp thường, cho rằng thân tuy chết mà linh hồn còn mãi.**

c. Kiến thủ: **Cố chấp theo tà thuyết, tà đạo.**

d. Giới thủ: **Học theo giới luật tà đạo.**

e. Tà kiến: **Không tin đạo Phật, bác lý nhân quả.**

Năm tà kiến này làm tối tăm mù quáng. Không có hạnh niệm Phật, y cứ vào lý nhân quả và vạn pháp duy tâm thì làm sao thức tỉnh được những chúng sanh này?

3. Phiền não trược **là thời đại có 5 phiền não, nó sai khiến con người rất mạnh. Tham, sân, si, mạn, nghi, năm phiền não xấu xa này rất khó trừ** (ngũ độn sử)**, luôn luôn ngấm ngầm rối loạn làm vẩn đục tâm tánh. Hạnh tu niệm Phật là một pháp môn nhận thấy tâm Phật ở ngay tâm phàm, chúng sanh nào cũng có Phật tánh. Nên pháp môn này không bỏ một ai. Dù thập ác ngũ nghịch mà biết sám hối cũng hứa hẹn cho vãng sanh. Mỗi tiếng niệm Phật là một hạt châu chuyển phiền não trược thành đời sống thanh lương.**

4. Chúng sanh trược **là thời đại 5 kiến trược và 5 phiền não trược** (10 kết sử) **cảm ứng hiện ra thân năm ấm. Các hữu tình quên mất Pháp thân, mê muội nhận năm ấm là mình. Không có hạnh tu niệm Phật, mỗi niệm mỗi niệm trở về tánh giác Vô Lượng Quang thì làm sao đưa được hữu tình ra khỏi cái vòng luân hồi bảy thú?**

5. Mạng trược: **Đồng là một bản giác, chỉ vì sáu phù trần căn tứ đại ngăn cách khiến thành sáu công dụng khác nhau. Sáu căn sinh hoạt gọi là sống, hết hoạt động gọi là chết. Thời đại mạng sống con người non yểu gọi là mạng trược. Chúng sanh quên bản tánh Vô Lượng Thọ, nhận thân vô thường sanh tử là mình. Không có pháp môn niệm Phật là hạnh tu chẳng phí nhiều thời giờ, thì làm sao những chúng sanh mạng yểu kịp giải thoát?**

Người niệm Phật, mỗi niệm mỗi niệm trở về tánh Vô Lượng Thọ, tức là mỗi niệm mỗi niệm ra khỏi mạng trược.

Tín Nguyện niệm Phật chuyển ngay được kiếp trược thành thanh tịnh hải hội. Chuyển ngay được kiến trược thành Vô Lượng Quang. Chuyển ngay được phiền não trược thành Thường Tịch Quang. Chuyển ngay được chúng sanh trược thành thân liên hoa hóa sanh. Chuyển ngay được mạng trược thành Vô Lượng Thọ.

Thế cho nên mỗi một niệm "Nam mô A Di Đà Phật" là một niệm chứng được tâm Vô-thượng Bồ-đề. (Bí quyết của tông Tịnh-độ từ nghìn xưa, nay Đại sư Trí Húc nhất đán mở tung ra cho mọi người thấy rõ.)

Đức Thế Tôn đem quả Phật trao cho chúng sanh đời ngũ trược ác thế. Năng lực giáo hóa này chỉ có Phật Thích Ca cùng mười phương Phật mới có mà thôi.

Loài người chúng ta:

a) **Hiện đang ở trong kiếp trược, quyết định bị vô lượng khổ não áp bức.**

b) **Hiện đang ở trong kiến trược, quyết định bị cái trí xảo trá của bọn tà sư chỉ huy.**

c) **Hiện đang ở trong phiền não trược, quyết định bị tham dục hãm hại và các nghiệp độc ác kích thích.**

d) **Hiện đang ở trong chúng sanh trược, quyết định đành cam phận trong những cái thân bẩn thỉu, mà còn mê cho là đáng yêu quý; cam chịu kém hèn sống đắng cay chết đọa đày, mà không bao giờ ngờ rằng mình có đường lối thoát ly.**

e) **Hiện đang ở trong mạng trược, quyết định bị ma lực vô thường nuốt đời sống nhanh như tia lửa**

chớp nhoáng, trở bàn tay không kịp.

Kiếp người chúng ta ví như ở trong nhà lửa, cháy cả bốn bên rồi mà vẫn cứ nô đùa bàn cãi suông chơi với nhau hoài. Chỉ có ai biết đích thực là một việc rất khó khăn, mới chịu giết chết cái tâm tham dục, mới biết quý phép tu "Nhất hạnh" này.

Chỉ vì thế mà đức Phật Bổn Sư phải hết lòng nói đi nói lại *"khó lắm! khó lắm!"* để cho chúng ta tỉnh ra. Có biết sợ mới lo tu. Đây là thâm từ phó chúc, chúng ta cần phải biết!

II. KẾT KHUYẾN

Phật nói kinh rồi, ngài Xá Lợi Phất và các Tỳ-kheo, hết thảy thế gian, cõi trời, cõi người, cõi A-tu-la và các cõi khác, nghe lời Phật nói vui mừng, tin chịu, làm lễ rồi lui.

Pháp môn niệm Phật thật chẳng thể nghĩ bàn, rất khó tin, rất khó hiểu, đệ tử Phật không một người nào biết mà hỏi.

Trí tuệ Phật soi thấy cơ duyên chúng sanh thành Phật đã chín. Mặc dù không ai hỏi, tự Phật nói, khiến chúng sanh được 4 lợi ích (Đây thích nghĩa 8 chữ: Hoan hỷ, Tín thọ, Tác lễ, Nhi khứ)**:**

1. **Phật nói pháp tu niệm Phật này, giống như một trận mưa hợp thời, làm cho nhân vật, cỏ cây mát mẻ, thấm nhuần, nẩy nở, lớn lên, thế gọi là *Hoan hỷ*** (vui mừng)**.**

2. **và *3.*** **Trong tâm không còn nghi-hoặc một tơ hào, gọi là *Tín*** (tin)**. Lãnh nạp vào tâm chẳng giờ phút nào quên, gọi là *Thọ*** (chịu)**.**

4. **Đem thân mạng quay về với Phật, ứng hợp với toàn thể pháp giới trùng trùng duyên khởi, thế gọi là *Tác lễ*** (làm lễ)**.**

Người nghe kinh, tự mình đã thực hành, cứ một chiều tiến mãi không lui, đem kinh lưu thông truyền bá khắp nơi, báo đền ân Phật, thế gọi là *Nhi khứ* (rồi đi). Đi mãi suốt đời vị lai, giáo hóa cho mọi người vô cùng vô tận.

Lời cuối sách

Kinh nói: "Đời mạt pháp ức vạn người tu, ít ai đắc đạo, chỉ nhờ niệm Phật mà được độ thoát".

Than ôi! Bây giờ chính là đời mạt pháp. Bỏ pháp môn niệm Phật bất khả tư nghì này, còn cách nào ra khỏi biển trầm luân?

Húc tôi đây, khi mới xuất gia, tự phụ là một nhà thiền, khinh thường các giáo điển, dám nói bậy rằng: "Niệm Phật chỉ là một phương tiện riêng cho trung căn và hạ căn".

Về sau, nhân vì đau nặng tôi mới chịu cầu sanh Tây phương. Nghiên cứu các bộ Diệu Tông, Viên Trung, Di Đà Sớ Sao và nhiều sách khác, tôi mới biết Niệm Phật Tam Muội, thật là một viên ngọc châu quý giá vô ngần. Từ đây, tôi trì

danh hiệu Phật với một sức mạnh vạn con trâu không kìm lại được.

Ông Khứ Bệnh, bạn thân của tôi, tu Tịnh-độ đã lâu năm, muốn cho tôn chỉ rất lớn của bộ Kinh Phật Thuyết A Di Đà này được thật rõ rệt mà lời nói đừng phiền phức. Ông thỉnh tôi làm yếu giải. Tôi cũng muốn cùng tất cả hữu tình trong pháp giới đồng vãng sanh Cực Lạc. Tôi cầm bút viết vào ngày 27 tháng 9 năm Đinh Hợi đến mồng 5 tháng 10 là xong. Tôi cầu nguyện mỗi câu, mỗi chữ sẽ là tư lương, để người ăn đường về An Lạc. Ai thấy nghe cũng đều lên ngôi Bồ-tát bất thoái.

Người tin người nghi cùng gieo mầm đạo, tán thán hay phỉ báng cùng được giải thoát, cùng về Tịnh-độ.

Ngưỡng mong chư Phật, Bồ-tát nhiếp thọ chứng minh. Và các bạn đồng học tùy hỷ gia bị.

Tây Hữu Đạo Nhân, Ngẫu Ích Trí Húc
Gác bút viết lời bạt này, năm 49 tuổi.

HẢI TRIỀU ÂM TOÀN TẬP

ĐÃ XUẤT BẢN:

KINH:

1. Khoa Cúng Thầy.
2. Khoa Phóng Sanh.
3. Khóa Lễ Tịnh Độ.
4. Kim Cang Giảng Luận - Đạo Tràng Bát Nhã.
5. Kinh A Di Đà Yếu Giải Toát Yếu.
6. Kinh A Hàm Toát Yếu.
7. Kinh Dược Sư.
8. Kinh Nhân Duyên.
9. Kinh Nhật Tụng.
10. Kinh Phổ Môn - Sám Sáu Căn - Hồng Danh.
11. Kinh Thủ Lăng Nghiêm Toát Yếu - Lăng Nghiêm Chính Mạch.
12. Kinh Thủ Lăng Nghiêm.
13. Kinh Tứ Thập Nhị Chương - Kinh Di Giáo - Khuyến Phát Bồ Đề Tâm Văn.
14. Kinh Vu Lan - Kinh Báo Ân.
15. Sám Nguyện Tịnh Độ.

16. Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm.

LUẬT:

17. Bồ Tát Giới.
18. Giới Bổn Tỳ-Kheo-Ni.
19. Giới Bổn Bồ Tát Giới.
20. Kinh Phạm Võng.
21. Luật Hai Cánh Nhà Ni.
22. Luật Trùng Trị.
23. Luật Thức Xoa.
24. Luật Sadini.
25. Luật Học.
26. Luật Học Cương Yếu - Luật Tu Xuất Gia.
27. Tam Quy Ngũ Giới.
28. Văn Sám Hối.

LUẬN:

29. Hạnh An Vui - Trí Độ Luận - Học Kinh Pháp Hoa.
30. Lăng Nghiêm Giảng Nghĩa – Phần Samatha.
31. Niệm Phật Thập Yếu - Trồng Sen.
32. Pháp Hoa Thông Nghĩa.
33. Phổ Môn Giảng Lục.

34. Quy Nguyên Trực Chỉ.
35. Sự Tích Phật A Di Đà - Lá Thư Tịnh Độ - Hạnh Thanh Tịnh - Tây Phương Du Ký.
36. Tư Quy Tập.
37. Tịnh Độ Quyết Nghi - Tịnh Độ Hoặc Vấn - Niệm Phật Cầu Vãng Sanh.
38. Tứ Niệm Xứ Giảng Nghĩa.

SÁCH:

39. Bát Nhã Ba La Mật Đa.
40. Bốn Mùa Hoa Giác.
41. Căn Bản Đạo Lộ.
42. Căn Bản Phật Pháp – Cốt Tủy Giáo Lý Phật.
43. Chăn Trâu.
44. Di Chúc.
45. Di Giáo.
46. Hương Trầm.
47. Khai Thị.
48. Khuyên Phóng Sanh.
49. Những Lá Thư Thầy.
50. Phật Học Đức Dục.
51. Pháp Bảo.

52. Răn Sát Sanh.
53. Sống Chết Bình An - Mông Sơn Thí Thực.
54. Tôn Giả Xá Lợi Phất.

SẼ XUẤT BẢN:

55. Ánh Sáng Tâm Bồ Đề.
56. Bản Mười Pháp Giới.
57. Bản Đồ Hoa Nghiêm.
58. Biển Tâm Ngời Sáng.
59. Cảnh Sách.
60. Chỉ Quán.
61. Chữ Hòa.
62. Dấu Chân Hương Tượng.
63. Hiển Giáo.
64. Hiếu Sanh Lập Đức.
65. Hoa Nghiêm Luân Quán.
66. Huấn Từ.
67. Khánh Đản.
68. Kinh Bát Đại Nhân Giác.
69. Kinh Bi Hoa.
70. Kinh Cahyna.
71. Kinh Đại Bát Nhã Toát Yếu.

72. Kinh Lăng Già.
73. Kinh Pháp Cú.
74. Kinh Thiện Sinh.
75. Kinh Từ Bi.
76. Kinh Từ Tâm.
77. Kinh Tứ Niệm Xứ.
78. Kinh Viên Giác.
79. Kinh Vô Thường.
80. Lăng Già Toát Yếu.
81. Làm Chùa.
82. Mật Giáo.
83. Mặt Hồ Tĩnh Lặng.
84. Mừng Ngày Phật Thành Đạo.
85. Đại Thừa Khởi Tín Luận.
86. Nghệ Thuật Thiền.
87. Nghiệp Và Phương Pháp Tẩy Nghiệp.
88. Ngũ Bách Danh.
89. Niệm Phật Ba La Mật.
90. Niệm Phật Tam Muội Bảo Vương Luận.
91. Niệm Phật Viên Thông.
92. Niệm Vị Lai Phật.

93. Phẩm Nhập Pháp Giới.
94. Phật Bản Hạnh Tập.
95. Phật Tử Với Cái Chết.
96. Quán Bất Tịnh.
97. Quy Sơn Cảnh Sách Toát Yếu.
98. Sử Liệu.
99. Thập Tín.
100. Thiền Học Nguyên Thủy.
101. Tiểu Sử Sư Trưởng.
102. Tín Nguyện Hạnh.
103. Từ Bi Đạo Tràng Sám Pháp.
104. Từ Bi Địa Tạng Sám Pháp.
105. Tranh Nhân Quả.
106. Tỳ Ni Hương Nhũ.
107. Uống Nước Nhớ Nguồn.
108. Vài Suy Ngẫm.
109. Vãng Sanh.
110. Vô Ngã Là Niết Bàn.
111. Vui Trong Đạo Phật.

(Còn tiếp)

NGUYỄN THỊ HOA tự Nguyễn Tuyết Hoa,
pháp danh Diệu Âm Diệu Liên.

LÊ NGUYỄN TRÍ TÂM.

LÊ HỒNG HÀ pháp danh Minh Châu.

LÊ NGUYỄN THỤY MINH
pháp danh Chơn Tú Châu.

NGUYỆN ĐEM CÔNG ĐỨC ẤN TỐNG

Hồi hướng cho hương linh:

Nguyen Thò Thei

Pháp danh NGUYÊN BẢO

Mất ngày 19-5-năm Kỷ Hợi

Hưởng thọ 72 tuổi

VÃNG SANH CỰC LẠC

KINH A DI ĐÀ YẾU GIẢI

Dịch giả: Tỳ Kheo Ni Hải Triều Âm

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: 024.37822845 - Fax: 024.37822841
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng biên tập
TS. Bùi Thanh Hà
Biên tập: **Nguyễn Thị Thanh Thủy**
Trình bày & bìa: **Khánh Chi**
Sửa bản in: **Tỳ-kheo-ni Bảo Giác**

Đơn vị liên kết:
Chùa Dược Sư
Địa chỉ:
Thôn Phú An, xã Phú Hội,
huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Số lượng in: 2.500 bản, khổ 14,5x20,5cm. In tại: Xí nghiệp in Fahasa, 774 Trường Chinh, P.15, Q. Tân Bình, TP.HCM. Số ĐKXB: 72-2020/CXBIPH/01-02/TG. Mã ISBN: 978-604-61-6807-2. QĐXB: 15/QĐ-NXBTG ngày 17/01/2020. In xong và nộp lưu chiểu quí I năm 2020.